

Bản án số: 141/2020/HS-ST

Ngày: 24-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vi Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Dung.

Bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kiều Oanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2020/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1995 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, chỗ ở: tổ 4, khu 4, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Đồng Thị D; có vợ là Hoàng Thị H, chưa có con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 27 tháng 8 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

- ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 1, khu 8, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 6, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 35 phút ngày 27/8/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Lê Văn T gọi điện cho một người phụ nữ tên gọi là “C” (T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) nói “Tí anh qua cho anh lấy cái hai”, C trả lời “Vâng” (Ý T hỏi mua 200.000 đồng ma túy “đá” và C đồng ý). Khoảng 15 giờ cùng ngày, có một người đàn ông gọi điện cho T hỏi “Lấy đồ à” (T hiểu người này hỏi T có mua ma túy “đá” không) nên trả lời “Cho em lấy cái ba” (Ý Tùng muốn mua 300.000 đồng ma túy “đá”), người đàn ông hiểu ý nói “T mười phút nữa qua chỗ anh”. Do đã từng mua ma túy của người này trước đây nên T nhận ra giọng và biết là người quen của C. Sau đó, người đàn ông đó gọi lại nói “Qua đi em” rồi hẹn ở khu vực đường tàu ga L, thuộc khu 1, phường V, thành phố Uông Bí. T mang theo 520.000 đồng, điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh - trắng, gắn biển số 34B1-857.96 đi đến khu vực ga tàu L. Đến nơi, T nhận ra nam thanh niên đã bán ma túy cho mình trước đây nên lại gần đưa 300.000 đồng và nhận lại từ người này 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. T xác nhận là ma túy “đá” cần mua nên cất vào túi quần bên trái phía sau T đang mặc rồi điều khiển xe đi về. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi T đi đến đầu đường thuộc tổ 5, khu 1, phường V, thành phố U, thì bị lực lượng công an kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ gói ma túy T vừa mua. Ngoài ra, còn thu giữ của T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám gắn sim số 0368.408.133 (máy bị vỡ màn hình phía trước); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh - trắng, BKS 34B1-857.96 và số tiền 220.000 đồng.

Bản Kết luận giám định số 1214/KLGD ngày 31/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ghi vật chứng thu của Lê Văn T là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,204gam (không phải hai không bốn gam).

Tại bản Cáo trạng số: 143/CT – VKSUB ngày 30 tháng 11 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ diễn biến sự việc cũng như hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người chứng kiến ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ được chứng kiến lực lượng công an bắt quả tang Lê Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ vật chứng cũng như tài sản của Lê Văn T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Áp dụng: điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 1214/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh và sim điện thoại số 0368.408.133.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám.

- Trả lại bị cáo Lê Văn T số tiền 220.000đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát; Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

2.1 Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng và tài sản thu giữ của vụ án, phù hợp với kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 27/8/2020, tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Lê Văn T bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép 0,204 (không phải hai không bốn) gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

2.2 Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy rằng bị cáo nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái với quy định pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải có hình phạt phù hợp, cách ly bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng cũng như để phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo mua ma túy với mục đích sử dụng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh - trắng, BKS 34B1-857.96 quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

- 01 phong bì niêm phong số 1214/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh bên trong đựng ma túy thu giữ được của bị cáo, được hoàn lại sau giám định thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Sim điện thoại số 0368.408.133 gắn trong điện thoại thu giữ của bị cáo bị tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 220.000 đồng thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với người phụ nữ tên C và người đàn ông bán ma túy cho T vào ngày 27/8/2020, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày **27** tháng **8** năm **2020**.

2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Áp dụng: điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 1214/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh và sim điện thoại số 0368.408.133.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám.

- Trả lại bị cáo Lê Văn T số tiền 220.000đ (*Hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng và bảng thống kê tiền tang vật ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung Vũ Thị Xuyên

Vi Thanh Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Công an thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thanh Hà